

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về lập kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước nguồn ngân sách trung ương để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi cho các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc cấp bù lãi suất

1. Việc cấp bù lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng.

3. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

4. Các khoản vay được cấp bù lãi suất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện được cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật, có đầy đủ chứng từ hợp pháp.

5. Không thực hiện cấp bù lãi suất đối với các khoản vay có dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả hoặc đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trừ các khoản cho vay bị rủi ro do sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật được cơ cấu lại nợ theo quy định.

Điều 4. Lập kế hoạch và phân bổ vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất

1. Việc lập kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước trong kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm, lập báo cáo và gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao vốn ngân sách nhà nước hằng năm cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước thực hiện phân bổ, thông báo hạn mức cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại trước ngày 31/12 hằng năm; gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước để thực hiện.

4. Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận vốn ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại. Việc mở tài khoản để thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 5. Thực hiện thanh toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất

1. Trong phạm vi hạn mức cấp bù lãi suất được thông báo trong năm, trước ngày 10 của tháng đầu tiên hằng quý, ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính và các phương thức khác theo quy định của pháp luật hồ sơ đề nghị thanh toán số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng của quý trước liền kề, bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất, trong đó ghi rõ số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề, số tiền đề nghị thanh toán bằng số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, tài khoản nhận tiền của ngân hàng thương mại;

- Báo cáo về tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng của ngân hàng thương mại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất trong quý theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán số tiền cấp bù lãi suất của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước kiểm tra hồ sơ, số tiền đề nghị thanh toán của ngân hàng thương mại và lập đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho ngân hàng thương mại.

3. Căn cứ đề nghị thanh toán của Ngân hàng Nhà nước theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Giấy rút dự toán (Mẫu 16a1 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ), thông báo hạn mức cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ đề nghị thanh toán.

4. Tổng số tiền thanh toán cho ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 3 Điều này trong năm ngân sách không vượt quá hạn mức cấp bù lãi suất đã thông báo trong năm.

5. Trong quá trình triển khai, Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh hạn mức cấp bù lãi suất giữa các ngân hàng thương mại khi cần thiết. Thời gian điều chỉnh hạn mức theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền cấp bù lãi suất trong năm thực tế phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phần chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

1. Việc lập báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ) phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

2. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất, trong đó các khoản vay được cấp bù lãi suất trong hồ sơ quyết toán phải đảm bảo đúng đối tượng, đáp ứng đầy đủ điều kiện được cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật, xác định chính xác số tiền cấp bù lãi suất cho từng khách hàng và tổng hợp chung của cả ngân hàng, số tiền cấp bù lãi suất cho khách hàng có đầy đủ chứng từ hợp pháp gửi Ngân hàng Nhà nước.

Số tiền cấp bù lãi suất quyết toán được xác định như sau:

- Số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân được tính theo công thức:

$$I = \text{Mức lãi suất hỗ trợ (\%)} \times \sum (D_i \times T_i) / 365$$

Trong đó:

- + I là số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho khoản giải ngân;
- + $\sum(D_i \times T_i)$ là tổng các tích số giữa số dư nợ với số ngày dư nợ thực tế được cấp bù lãi suất của khoản giải ngân.
- Số tiền cấp bù lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản vay là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản giải ngân của khoản vay đó.
- Số tiền cấp bù lãi suất thực tế đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được cấp bù lãi suất.

Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ, số liệu quyết toán cấp bù lãi suất

3. Ngân hàng Nhà nước kiểm tra hồ sơ quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách của từng ngân hàng thương mại và thực hiện xét duyệt quyết toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Ngân sách nhà nước, ra thông báo xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách gửi Bộ Tài chính theo Mẫu số 05.

5. Bộ Tài chính kiểm tra báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách của Ngân hàng Nhà nước về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc nhà nước.

Điều 7. Xử lý thu hồi số tiền đã cấp bù lãi suất

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện khoản vay của khách hàng được xác định không thuộc đối tượng, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định, ngân hàng thương mại thu hồi toàn bộ số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất.

2. Trường hợp thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong thời gian chính sách hỗ trợ lãi suất còn hiệu lực, số tiền thu hồi được bù trừ vào số tiền ngân sách nhà nước thanh toán cho ngân hàng. Trường hợp chính sách hỗ trợ lãi suất hết hiệu lực và ngân sách nhà nước đã thanh toán thì phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền cấp bù lãi suất tương ứng.

3. Ngân hàng thương mại thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và gửi văn bản cho Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính về việc thu hồi và hoàn trả ngân sách nhà nước để theo dõi.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí cấp bù lãi suất để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của nhà nước để thanh toán cho các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra, báo cáo tổng hợp quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

a) Tổng hợp kế hoạch cấp bù lãi suất, phân bổ và thông báo hạn mức cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại, điều chỉnh kế hoạch ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại (nếu có).

b) Tổng hợp báo cáo quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm của các ngân hàng thương mại; ra thông báo xét duyệt quyết toán cấp bù lãi suất hằng năm của các ngân hàng thương mại; báo cáo kết quả thực hiện cấp bù lãi suất cả chương trình theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm cả tình hình sử dụng nguồn vốn cấp bù lãi suất, báo cáo cấp có thẩm quyền.

c) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện thanh toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại.

3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại

a) Chịu trách nhiệm về việc cho vay, xác định đối tượng khách hàng vay đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật, thực hiện thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu đề nghị thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

c) Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền các tài liệu liên quan đến việc cấp bù lãi suất khi được yêu cầu (bản chính hoặc bản sao do ngân hàng thương mại đóng dấu sao y).

d) Thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay của khách hàng được xác định không thuộc đối tượng, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện được cấp bù lãi suất theo quy định của pháp luật để hoàn trả ngân sách nhà nước.

4. Trách nhiệm của khách hàng

a) Có đề nghị cấp bù lãi suất; cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ cần thiết theo đề nghị của ngân hàng thương mại trong quá trình cấp bù lãi suất; quyết toán cấp bù lãi suất; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, tài liệu, chứng từ cung cấp cho ngân hàng thương mại.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất theo thỏa thuận với ngân hàng thương mại.

c) Hoàn trả số tiền đã được cấp bù lãi suất của khoản vay được xác định không thuộc đối tượng, sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp khách hàng không hoàn trả số tiền đã được hỗ trợ lãi suất phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đề nghị thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại gửi Bộ Tài chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất được tiếp tục thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về thanh toán, quyết toán cấp bù lãi suất ban hành trước Nghị định này.

2. Đối với các hồ sơ đề nghị thanh toán, quyết toán, xử lý thu hồi số tiền đã cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của nhà nước (trừ Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 22/5/2022 của Chính phủ), kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước có cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các khoản cho vay bị quá hạn một phần dư nợ gốc thì phần dư nợ gốc không bị quá hạn theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng và khách hàng tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các ngân hàng thương mại và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phước

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo tình hình thực hiện cấp bù lãi suất đối với khách hàng
Mẫu số 02	Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được cấp bù lãi suất
Mẫu số 03	Mẫu giấy đề nghị thanh toán
Mẫu số 04	Thông báo xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại theo năm ngân sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Mẫu số 05	Tổng hợp báo cáo quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại hằng năm

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Quý năm

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)	Dư nợ CBLS đầu quý	Doanh số phát sinh trong quý		Dư nợ CBLS cuối quý	Số tiền NHTM đã CBLS trong quý	Số tiền đã CBLS bị thu hồi phải giảm trừ trong quý	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán trong quý
			Cho vay	Thu nợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)
1	Tỉnh...							
1.1	Chi nhánh A							
1.2	Chi nhánh B							
.....								
3	Tỉnh.....							
3.1	...							
	...							
Tổng số								

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6) báo cáo dư nợ cấp bù lãi suất đầu quý, doanh số cho vay cấp bù lãi suất trong quý, doanh số thu nợ cấp bù lãi suất trong quý, dư nợ cấp bù lãi suất trong cuối quý (không bao gồm các khoản vay quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này).
- Cột (7) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong quý (bao gồm cả số tiền đã cấp bù lãi suất trong quý phải thu hồi).
- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất (phát sinh từ đầu chương trình đến hết quý báo cáo) nhưng trong quý báo cáo được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.
- Cột (9) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong quý nhỏ hơn số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất trong quý = 0. Phân chênh lệch giữa số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý và số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong quý được tính vào số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý tiếp theo, hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước.
- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHỨNG MINH KHÁCH HÀNG
ĐÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

Quý..... năm

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)/Tên khách hàng	Mã số thuế/ ĐKKD	Số hiệu khế ước nhận nợ/Số tài khoản nhận nợ chi tiết trên hệ thống	Ngày khế ước/Ngày tài khoản nhận nợ chi tiết trên hệ thống	Số hiệu chứng từ CBLS	Ngày chứng từ CBLS	Số tiền đã CBLS theo chứng từ phát sinh trong quý	Số tiền đã CBLS bị thu hồi phải giảm trừ trong quý	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán trong quý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8)-(9)
1	Tỉnh, thành phố								
1.1	Chi nhánh A								
1.1.1	Khách hàng								
1.1.1.1	Khách hàng X								
1.1.1.2	Khách hàng Y								
	...								
Tổng số									

Ghi chú:

- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất theo các chứng từ cấp bù lãi suất phát sinh trong quý (bao gồm cả số tiền đã cấp bù lãi suất trong quý phải thu hồi).
- Cột (9) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất theo các chứng từ cấp bù lãi suất (gồm chứng từ phát sinh từ đầu chương trình đến hết quý báo cáo) nhưng trong quý báo cáo được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.
- Cột (10) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong quý nhỏ hơn số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất trong quý = 0. Phần chênh lệch giữa số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý và số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong quý được tính vào số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý tiếp theo, hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước.
- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, Đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Mẫu số 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Tên chương trình:

Mã chương trình/dự án:

Tên ngân hàng thương mại:

Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của ngân hàng thương mại.... tại.....

Mã Citad:

Căn cứ Quyết định giao vốn năm.... của Thủ tướng Chính phủ....

Căn cứ Thông báo số của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thông báo hạn mức cấp bù lãi suất năm;

Căn cứ bảng kê chứng minh khách hàng đã được cấp bù lãi suất quý ...

Số tiền đề nghị: ...	Thanh toán	Ghi chú
----------------------	------------	---------

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Hạn mức cấp bù lãi suất trong năm	Lũy kế số tiền đã thanh toán cho khách hàng trong quý	Số đề nghị thanh toán
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán			
Cộng tổng			

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Lý do khoản chi:

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NHNNVN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách ... của ngân hàng.....

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất, hỗ trợ lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của nhà nước;

Căn cứ hồ sơ quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất năm của ngân hàng.....;

Sau khi xét duyệt báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách ... của ..., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo như sau:

1. Nhận xét chung

Nhận xét về việc chấp hành chế độ chính sách, thời gian, nội dung, biểu mẫu báo cáo.

2. Về nội dung cụ thể:

a) Kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng về các số liệu khi thực hiện tổng hợp báo cáo quyết toán, gồm: số tiền ngân hàng thương mại đã cấp bù lãi suất trong năm so với hạn mức cấp bù lãi suất được thông báo, số tiền đã cấp bù lãi suất bị thu hồi, số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong năm.

b) Số tiền ngân sách nhà nước thanh toán cấp bù lãi suất thiếu hoặc thừa (nếu có); trường hợp số đã thanh toán trong năm thấp hơn số tổng hợp quyết toán thì số chênh lệch sẽ được thanh toán tiếp; trường hợp số đã thanh toán trong năm cao hơn số tổng hợp quyết toán thì số chênh lệch sẽ được thu hồi, hoặc giảm trừ vào số thanh toán cấp bù lãi suất của năm tiếp theo;

c) Các vấn đề phát hiện qua quá trình tổng hợp báo cáo quyết toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có);

d) Xác định số vốn được quyết toán trong năm ngân sách.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

3. Kiến nghị (nếu có):

Nơi nhận:

- Cơ quan, đơn vị báo cáo...;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: ...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG BÁO XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH....
(kèm theo Thông báo số: ngày.... tháng... năm... của...)

STT	Tên ngân hàng thương mại	Hạn mức cấp bù lãi suất được NHNNVN thông báo	Theo báo cáo quyết toán của NHTM					Theo xét duyệt quyết toán của NHNNVN					Ghi chú	
			Số tiền NHTM đã CBLS	Số tiền đã CBLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số tiền còn lại đề nghị NSNN thanh toán /hoặc giảm trừ trong năm tiếp theo/hhoặc hoàn trả NSNN	Số tiền đề nghị thẩm định quyết toán CBLS	Số tiền NHTM đã CBLS	Số tiền đã CBLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số tiền NSNN còn phải thanh toán [nếu (11)>0], hoặc giảm trừ vào năm tiếp theo hoặc phải hoàn trả NSNN [nếu(11)<0]	Số xét duyệt quyết toán CBLS	Chênh lệch số thẩm định so với số NHNN đề nghị thẩm định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Ngân hàng A													
2	Ngân hàng B													
														
	...													
Tổng số														

Ngày.... tháng... năm
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TỔNG HỢP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CẤP BÙ LÃI SUẤT CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
NĂM ...

Đơn vị: Đồng

STT	Tên ngân hàng thương mại	Dư nợ CBLS đầu năm	Doanh số phát sinh trong năm		Dư nợ CBLS cuối năm	Hạn mức CBLS được thông báo	Theo báo cáo quyết toán của NHTM				Theo báo cáo tổng hợp quyết toán của NHNNVN			
			Cho vay	Thu nợ			Số tiền NHTM đã CBLS	Số tiền đã CBLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số tiền còn lại đề nghị NSNN thanh toán /hoặc giảm trừ trong năm tiếp theo/hhoặc hoàn trả NSNN	Số tiền NHTM đã CBLS	Số tiền đã CBLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán	Số tiền NSNN còn phải thanh toán [nếu (15)>0], hoặc giảm trừ vào năm tiếp theo hoặc phải hoàn trả NSNN [nếu(15)<0]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(12)-(13)-(14)
1														
...														
Tổng số														

Ghi chú:

- Cột (8), (9), (10), (11) báo cáo số liệu theo báo cáo quyết toán cấp bù lãi suất của ngân hàng thương mại;
 - Cột (12), (13), (14), (15) báo cáo số liệu theo Thông báo xét duyệt quyết toán vốn ngân sách nhà nước để cấp bù lãi suất theo năm ngân sách.
- Nơi nhận:
- Cơ quan, đơn vị báo cáo...;
 - Bộ Tài chính;
 - Lưu: ...

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

